

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỚI TỬ SA DI - THỨC XOA MA NA - SA DI NI

I. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT VÀ THÁNH CHÚNG

Câu 01: Theo Kinh Vị Tăng Hữu, vị Sa di đầu tiên trong giáo đoàn của Đức Phật là ai, lúc đó vị ấy bao nhiêu tuổi?

- a. Tôn giả A-nan, lúc Ngài mới bảy tuổi.
- b. Tôn giả A-na-luật, lúc Ngài mới tám tuổi.
- c. Tôn giả La-hầu-la, lúc Ngài mới chín tuổi.
- d. Tôn giả Nan-đà, lúc Ngài mới mười tuổi.

Câu 02: Bài Kinh cuối cùng được Đức Phật thuyết trước khi nhập Niết-bàn có tên là gì?

- a. Kinh Hoa Nghiêm
- b. Kinh Bát Nhã
- c. Kinh Pháp Hoa
- d. Kinh Di Giáo

Câu 03: Theo 'Phật học Phổ thông' của HT. Thiện Hoa, 'Thiểu dục tri túc' có những ích lợi gì?

- a. Nhờ "ít tham dục", nên con ma dục vọng không làm sao xui khiến được mình; nhờ "biết đủ", nên con quỷ tham lam chẳng có quyền hành sai sử mình nữa.
- b. Nhờ "ít tham dục", nên con ma dục vọng không làm sao xui khiến được mình; nhờ "biết đủ", nên con quỷ tham lam chẳng có quyền hành sai sử mình nữa. Con người không còn làm nô lệ cho vật chất đê hèn nữa, thì lòng người bắt đầu tự do giải thoát. Nhờ Thiểu dục và Tri túc mà gia đình, xã hội được an vui, hòa bình, không còn ai giành giật của cải, danh vọng, miếng ngon, vật lạ của ai nữa.
- c. Con người không còn làm nô lệ cho vật chất đê hèn nữa, thì lòng người bắt đầu tự do giải thoát.
- d. Nhờ Thiểu dục và Tri túc mà gia đình, xã hội được an vui, hòa bình, không còn ai giành giật của cải, danh vọng, miếng ngon, vật lạ của ai nữa.

Câu 04: Nữ cư sĩ hộ pháp đắc lực thời đức Phật là ai?

- a. Phu nhân Thắng Man
- b. Nàng Tu-xà-đề
- c. Bà Tỳ-xá-khư
- d. Hoàng hậu Mạt-lợi

Câu 05: Vị trưởng giả giàu có là cư sĩ hộ pháp đắc lực cho Tăng đoàn thời đức Phật, thường xuyên cứu giúp người nghèo khổ, cô độc, có tên là gì?

- a. Vua A-xà-thế
- b. Cấp-cô-độc
- c. Vua Ba-tư-nặc
- d. Thái tử Kỳ-đà

Câu 06: Ai là người thừa thỉnh Đức Phật dạy pháp hàng phục tâm, an trụ tâm trong kinh Kim Cang? (Theo 'Phật học Phổ thông' của HT. Thiện Hoa, quyển 3).

- a. Tôn giả A-nan
- b. Tôn giả Tu-bồ-đề
- c. Tôn giả Phú-lâu-na
- d. Tôn giả La-hầu-la

Câu 07: Theo 'Phật học phổ thông' của HT. Thiện Hoa, ngày tháng và nơi thái tử Tất-đạt-đa đản sanh?

- a. 15 tháng 2 âm lịch tại vườn Lâm-tỳ-ni.
- b. 08 tháng 4 âm lịch tại vườn Lâm-tỳ-ni.
- c. 15 tháng 4 âm lịch tại vườn Lộc Uyển.
- d. 15 tháng 12 âm lịch tại vườn Lộc Uyển.

Câu 08: Trong danh từ nhà Phật, khi nói đến sự hiện diện của Đức Phật Thích Ca trong cõi đời này, người ta thường dùng chữ gì?

- a. Đản sanh: nghĩa là một sự ra đời vui vẻ, làm hân hoan, xán lạn cõi đời, dùng để ca tụng một bậc tôn quý ra đời.
- b. Thị hiện: nghĩa là hiện ra bằng xương bằng thịt mà mắt thường chúng ta có thể thấy được.

- c. Giáng sanh: nghĩa là từ một chỗ cao mà xuống một chỗ thấp để sanh ra, hàm ý Ngài ở một cảnh giới cao hơn, tốt đẹp hơn mà hạ xuống cảnh giới phàm trần này.
d. Đáp án a, b và c đúng.

Câu 09: Tài năng và đức hạnh của thái tử Tất-đạt-đa ra sao?

- a. Văn võ song toàn. b. Tài đức, thương người mẫn vật.
c. Thông minh, khiêm hạ, lễ độ. d. Đáp án a, b và c đúng.

Câu 10: Khi đi dạo bốn cửa thành, thái tử đã thấy điều gì mà quyết định xuất gia tầm đạo?

- a. Cảnh sanh, lão, bệnh, tử.
b. Cảnh lão, bệnh, tử và hình ảnh một vị Sa môn.
c. Cảnh rình rập, săn bắt, ăn nuốt, giết hại lẫn nhau của chúng sinh vì sự sinh tồn.
d. Cảnh đời sống vất vả, khổ cực của dân chúng.

Câu 11: Theo ‘Phật học phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, thái tử Tất-đạt-đa xuất gia vào thời gian nào, khi ấy Ngài bao nhiêu tuổi?

- a. Thái tử xuất gia vào ngày mồng tám tháng hai âm lịch, khi đó Ngài được 29 tuổi.
b. Thái tử xuất gia vào ngày rằm tháng hai, khi đó Ngài được 19 tuổi.
c. Thái tử xuất gia vào ngày mồng tám tháng mười hai âm lịch, khi đó Ngài được 29 tuổi.
d. Thái tử xuất gia vào ngày mồng tám tháng hai âm lịch, khi đó Ngài được 19 tuổi.

Câu 12: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống:

Thái tử Tất-đạt-đa là con của vua ..(1).. và hoàng hậu ..(2)... Ngài họ Cồ-đàm, thuộc dòng tộc ..(3).., giai cấp ..(4)..

- a. (1) Hộc-phạn; (2) Ma-ha-ba-xà-ba-đề; (3) Thích-ca; (4) Sát-đế-lợi.
b. (1) Tịnh-phạn; (2) Ma-ha-ba-xà-ba-đề; (3) Thích-ca; (4) Bà-la-môn.
c. (1) Hộc-phạn; (2) Ma-da; (3) Thích-ca; (4) Bà-la-môn.
d. (1) Tịnh-phạn; (2) Ma-da; (3) Thích-ca; (4) Sát-đế-lợi.

Câu 13: Di mẫu của thái tử Tất-đạt-đa có tên là gì?

- a. Vi-đề-hi. b. Mạt-lợi.
c. Ma-da. d. Ma-ha-ba-xà-ba-đề.

Câu 14: Thái tử Tất-đạt-đa xuất gia với lý tưởng gì?

- a. Tìm cầu trường sinh bất tử.
b. Vì muốn sanh lên các cõi Trời hưởng thọ phước báu.
c. Vì muốn có thần thông biến hóa.
d. Tìm đường giác ngộ, giải thoát cho mình và tất cả chúng sanh khỏi luân hồi sinh tử.

Câu 15: Tại rừng khổ hạnh, thái tử Tất-đạt-đa tu với ai, thời gian bao lâu, kết quả thế nào?

- a. Tại đây Ngài cùng tu khổ hạnh với năm anh em Kiều-trần-như. Trải qua sáu năm, thân thể Ngài trở nên tiều tụy, kiệt sức, chỉ còn da bọc xương.
b. Tại đây Ngài cùng tu khổ hạnh với ba anh em ông Ca-diếp thờ thần lửa. Trải qua sáu năm, thân thể Ngài trở nên tiều tụy, kiệt sức, chỉ còn da bọc xương.
c. Tại đây Ngài tu khổ hạnh một mình. Sau 49 ngày đêm, cuối cùng Ngài chứng được đạo quả Vô thượng Bồ-đề.
d. Không có đáp án đúng.

Câu 16: Sau thời gian tu khổ hạnh, Thái tử đã quyết định như thế nào?

- a. Thái tử đã từ bỏ lối tu khổ hạnh vì nó không đưa đến giải thoát. Ngài tìm lại hai vị thầy đã dạy mình trước kia để tu tập tiếp và cuối cùng đã thành tựu đạo quả.
- b. Thái tử tiếp tục kiên trì với pháp khổ hạnh và cuối cùng đã thành tựu đạo quả.
- c. Thái tử từ bỏ lối tu khổ hạnh, xa rời các cực đoan, ăn một ít thức ăn để lấy lại sức khỏe. Quyết tâm tinh tấn thiền định dưới cội Bồ-đề với lời thề rằng: “Nếu Ta không thành đạo thì dù thịt nát xương tan, Ta cũng quyết không đứng dậy khỏi chỗ này”. Cuối cùng sau 49 ngày đêm, Ngài chứng được đạo quả vô thượng Bồ-đề.
- d. Đáp án a, b và c đều sai.

Câu 17: Ai là người cúng dường Đức Thế Tôn bữa ăn đầu tiên trước khi Ngài thành đạo?

- a. Trưởng giả Cấp-cô-độc.
- b. Nàng Tu-xà-đề.
- c. Thái tử Kỳ-đà.
- d. Vua Tần-bà-sa-la.

Câu 18: Ai là vị thị giả hầu cận Đức Phật thường được kinh điển nhắc đến?

- a. Tôn giả Xá-lợi-phất.
- b. Tôn giả A-nan.
- c. Tôn giả La-hầu-la.
- d. Tôn giả Nan-đà.

Câu 19: Trong hàng đệ tử Phật, vị nào được tôn xưng là “Trì luật đệ nhất”?

- a. Tôn giả Ưu-ba-ly.
- b. Tôn giả Kiều-phạm-ba-đề.
- c. Tôn giả Ly-bà-đa.
- d. Tôn giả Phú-lâu-na.

Câu 20: Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, ai triệu tập hội nghị kết tập kinh điển lần thứ I?

- a. Tôn giả A-nan.
- b. Tôn giả Đại-ca-diếp.
- c. Tôn giả Ca-chiên-diên.
- d. Tập thể giáo đoàn lãnh đạo.

Câu 21: Ai là người cúng dường Đức Phật bữa ăn cuối cùng trước khi Ngài nhập Niết-bàn?

- a. Ông Thuần Đà.
- b. Vua A-xà-thế.
- c. Vua Tần-bà-sa-la.
- d. Trưởng giả Cấp-cô-độc.

Câu 22: Hãy cho biết trong thời của Đức Phật, ai là người cúng dường xây cất ngôi tịnh xá đầu tiên? Tên ngôi tịnh xá đó là gì?

- a. Vua Tần-bà-sa-la cúng dường Trúc Lâm tịnh xá.
- b. Vua Ba-tư-nặc cúng dường Kỳ Viên tịnh xá.
- c. Ông Cấp-cô-độc cúng dường Đông Lâm tịnh xá.
- d. Thái tử Kỳ-đà cúng dường Kỳ Viên tịnh xá.

Câu 23: Bài pháp đầu tiên được Đức Phật thuyết tại đâu, hóa độ cho ai, nội dung là gì?

- a. Tại vườn Lâm-tỳ-ni, hóa độ cho ba anh em ông Ca-diếp thờ thần lửa với bài kinh Chuyển pháp luân, nội dung của bài kinh này là ‘Lý duyên khởi’.
- b. Tại vườn Lộc Uyển, hóa độ cho năm anh em Kiều-trần-như với bài kinh Chuyển pháp luân, nội dung của bài kinh này là ‘Tứ diệu đế’.
- c. Bên dòng sông Ni-liên-thiên, hóa độ cho ba anh em ông Ca-diếp thờ thần lửa với bài kinh Chuyển pháp luân, nội dung của bài kinh này là ‘Tứ diệu đế’.
- d. Tại núi Linh Thứu, hóa độ cho năm anh em Kiều-trần-như với bài kinh Chuyển pháp luân, nội dung của bài kinh này là ‘Lý duyên khởi’.

Câu 24: Trong một đời giáo hóa của Đức Phật có sự hộ trì của hai vị đệ tử thân tín tài giỏi, đó là ai? Công hạnh của các vị ấy là gì?

- a. Tôn giả Mục-kiền-liên là bậc thần thông đệ nhất và Tôn giả Xá-lợi-phất là bậc đa văn đệ nhất.

- b. Tôn giả Mục-kiền-liên là bậc trí tuệ đệ nhất và Tôn giả A-nan là bậc đa văn đệ nhất.
- c. Tôn giả Xá-lợi-phất là bậc trí tuệ đệ nhất và Tôn giả A-nan là bậc thuyết pháp đệ nhất.
- d. Tôn giả Mục-kiền-liên là bậc thần thông đệ nhất và Tôn giả Xá-lợi-phất là bậc trí tuệ đệ nhất.

Câu 25: Vì sao đã thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà Đức Phật vẫn thường hay tọa thiền?

- a. Đức Phật thường tọa thiền để tự điều thân.
- b. Đức Phật muốn nhắc nhở hàng đệ tử về sau thường tinh tấn tọa thiền.
- c. Vì ba đời chư Phật đều do pháp môn Thiền Định mà được thành đạo.
- d. Tất cả đáp án trên.

II. GIÁO LÝ

Câu 01: Theo ‘Phật học phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, vô thường biểu hiện qua bao nhiêu phương diện, là những phương diện gì?

- a. Ba phương diện là: Thân vô thường, tâm vô thường, hoàn cảnh vô thường.
- b. Ba phương diện là: Thân vô thường, khẩu vô thường, ý vô thường.
- c. Bốn phương diện là: Đất vô thường, nước vô thường, gió vô thường, lửa vô thường.
- d. Năm phương diện là: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô thường.

Câu 02: Bát khổ gồm có:

- a. Sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, cầu bất đắc khổ, ái biệt ly khổ, oán tăng hội khổ, ngũ ấm xí thành khổ.
- b. Sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái khổ, hận khổ, si mê khổ, phiền não khổ.
- c. Sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, cầu như ý khổ, ái nhiễm khổ, báo oán thống khổ, đa dục khổ.
- d. Sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, phiền não khổ, tham khổ, sân khổ, si khổ.

Câu 03: Tam Đề gồm những gì?

- a. Nguyện đoạn tất cả phiền não. Nguyện tu tất cả giới. Nguyện độ tất cả chúng sanh.
- b. Nguyện đoạn tất cả điều ác. Nguyện tu tất cả điều lành. Nguyện độ tất cả chúng sanh.
- c. Nguyện đoạn tất cả điều ác. Nguyện tu giới định tuệ. Nguyện độ tất cả chúng sanh.
- d. Nguyện đoạn tất cả phiền não. Nguyện tu lục độ vạn hạnh. Nguyện độ tất cả chúng sanh.

Câu 04: Vì sao Đức Phật thuyết giảng về ‘vô thường’?

- a. Cảnh tỉnh người đời trước những thú vui giả tạm, hạn chế sự khổ não trước những biến động của cuộc đời.
- b. Đối trị tâm mê mờ, tham ái, chấp thủ của chúng sanh.
- c. Khi chúng sanh đã hiểu lẽ vô thường, thì Phật hướng chúng sanh đến lẽ chơn thường bất biến, là chơn tâm, Phật tánh, đó là mục đích tối hậu.
- d. Đáp án a, b, và c đúng.

Câu 05: Theo ‘Phật học Phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, đức Phật dạy tu hạnh “thiểu dục và tri túc” để làm gì?

- a. Giúp con người có cuộc sống tự do, hạnh phúc đích thực.
- b. Giúp con người không bị ma dục vọng sai khiến, không bị quỷ tham lam sai sử, không bị nô lệ cho vật chất dơ hèn.

- c. Giúp con người hài lòng với những gì đang có, không khổ đau khi gặp những chuyện bất như ý và tiết chế những ham muốn vô ích.
d. Đáp án a, b và c đúng.

Câu 06: Theo ‘Kinh Nhân Quả’ nói “Nhân nào quả nấy”, Tại sao hiện đời vẫn có người ở hiền lại gặp dữ, kẻ ác lại gặp lành?

- a. Việc lành hay việc dữ đều có quả báo, chỉ khác nhau đến sớm hay muộn mà thôi.
b. Nhân quả có sự liên hệ đến 3 đời (quá khứ, hiện tại và vị lai), không nên chỉ nhìn trên một đời.
c. Đáp án a, b đều đúng.

Câu 07: Lợi ích của việc hiểu biết và áp dụng đúng luật nhân quả?

- a. Giúp chúng ta tránh mê tín dị đoan, tin tưởng sai lầm vào thần quyền.
b. Giúp con người có lòng tin tưởng vào chính mình, biết làm điều lành, tránh điều dữ.
c. Giúp chúng ta không chán nản hay trách móc.
d. Đáp án a, b và c đúng.

Câu 08: Tứ nhiếp pháp gồm:

- a. Bố thí nhiếp, lợi tha nhiếp, tự lợi nhiếp, thiền định nhiếp.
b. Ái ngữ nhiếp, tinh tấn nhiếp, bố thí nhiếp, trì giới nhiếp.
c. Bố thí nhiếp, ái ngữ nhiếp, lợi hành nhiếp, lợi tha nhiếp.
d. Bố thí nhiếp, ái ngữ nhiếp, lợi hành nhiếp, đồng sự nhiếp.

Câu 09: Chữ ‘Tăng’ trong ‘Tăng bảo’ có nghĩa là gì?

- a. Tăng hay Tăng-già là phiên âm từ chữ Phạn ‘Sangha’ dịch là ‘hòa hợp chúng’.
b. Chữ Tăng để chỉ một đoàn thể tu hành từ bốn người trở lên.
c. Chữ Tăng để chỉ một đoàn thể đệ tử Phật cùng nhau sống chung một chỗ, đồng giữ giới luật của Phật trên tinh thần thanh tịnh và hòa hợp.
d. Tất cả đáp án trên.

Câu 10: Đồng thể Phật bảo là gì?

- a. Tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một thể tánh sáng suốt.
b. Tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một pháp tánh từ bi, bình đẳng.
c. Tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một thể tánh thanh tịnh, sự lý hòa hợp.
d. Tất cả đáp án trên.

Câu 11: ‘Sám hối’ có nghĩa là gì?

- a. Hối hận những lỗi lầm đã tạo ra.
b. Ăn năn lỗi trước và chừa bỏ lỗi sau.
c. Sám tội để xin chư Phật tha thứ.
d. Hứa không tạo thêm tội nữa.

Câu 12: Sám hối chân chính trong nhà Phật có mấy cách, gồm những cách gì?

- a. Có bốn cách là: Tác pháp sám hối; Tâm niệm sám hối; Hồng danh sám hối; Vô sanh sám hối.
b. Có bốn cách là: Tác pháp sám hối; Thủ tướng sám hối; Hồng danh sám hối; Vô sanh sám hối.
c. Có bốn cách là: Hồng danh sám hối; Vô sanh sám hối; Lễ Phật sám hối; Tâm niệm sám hối.
d. Có bốn cách là: Hồng danh sám hối; Thủ tướng sám hối; Lễ Phật sám hối; Tâm niệm sám hối.

Câu 13: Tam tạng kinh điển nhà Phật bao gồm những gì?

- a. Kinh tạng, Luật tạng, Luận tạng.
b. Kinh tạng, Luật tạng, Trân tạng.
c. Kinh tạng, Luận tạng, Ngũ Lục tạng.
d. Kinh tạng, Luận tạng, Sử tạng.

Câu 14: Theo ‘Phật học phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, vô thường biểu hiện qua bao nhiêu phương diện, là những phương diện gì?

- a. Ba phương diện là: Thân vô thường, tâm vô thường, hoàn cảnh vô thường.
- b. Ba phương diện là: Thân vô thường, khẩu vô thường, ý vô thường.
- c. Bốn phương diện là: Đất vô thường, nước vô thường, gió vô thường, lửa vô thường.
- d. Năm phương diện là: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô thường.

Câu 15: Ý nghĩa cốt lõi của chữ ‘đạo’ trong ‘đạo Phật’ là gì?

- a. Là tôn giáo như đạo Phật, đạo Khổng, đạo Lão.
- b. Là bốn phận, là con đường.
- c. Là bản thể, là lý tánh tuyệt đối.
- d. Đáp án a, b và c đều đúng

Câu 16: Chữ Phật tiếng Phạn là Buddha (Phật-đà). Người Trung Hoa dịch nghĩa là Giác giả, là bậc đã giác ngộ hoàn toàn. Vậy giác ngộ ở đây gồm những phương diện nào?

- a. Hai phương diện gồm: tự giác, giác tha.
- b. Ba phương diện gồm: tự giác, giác tha, giác tha viên mãn.
- c. Ba phương diện gồm: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.
- d. Ba phương diện gồm: tự giác, giác tha, tự giác viên mãn.

Câu 17: Nói một cách đầy đủ “Tam bảo” gồm những gì?

- a. Giới bảo, Định bảo, Tuệ bảo.
- b. Phật, Pháp, Tăng.
- c. Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo.
- d. Văn bảo, Tư bảo, Tu bảo.

Câu 18: Tam bảo có mấy bậc, gồm những bậc nào?

- a. Có hai bậc gồm: Đồng Thể Tam bảo, Xuất Thế Gian Tam bảo.
- b. Có hai bậc gồm: Xuất Thế Gian Tam bảo, Thế Gian Trụ Trì Tam bảo.
- c. Có ba bậc gồm: Đồng Thể Tam bảo, Xuất Thế Gian Tam bảo, Thế Gian Trụ Trì Tam bảo.
- d. Có ba bậc gồm: Đồng Thể Phật bảo, Xuất Thế Gian Pháp bảo, Thế Gian Trụ Trì Tăng bảo.

Câu 19: Đứng về mặt sự tướng, Tam bảo được hình thành từ lúc nào?

- a. Tam bảo được hình thành từ khi Đức Phật thành đạo dưới cội Bồ-đề.
- b. Tam bảo được hình thành sau khi Đức Phật Chuyển Pháp Luân với bài pháp ‘Duyên Khởi’ (bài pháp đầu tiên) tại vườn Lộc Uyển hóa độ cho năm anh em Kiều-trần-như đồng thời năm vị này xin xuất gia làm đệ tử Phật.
- c. Tam bảo được hình thành sau khi Đức Phật Chuyển Pháp Luân với bài pháp ‘Tứ Diệu Đế’ (bài pháp đầu tiên) tại vườn Lộc Uyển hóa độ cho năm anh em Kiều-trần-như đồng thời năm vị này xin xuất gia làm đệ tử Phật.
- d. Tam bảo được hình thành từ khi hai vị thiện tín đầu tiên (hai thương gia cúng dường bột khô và mật ong sau khi Ngài thành đạo dưới cội Bồ-đề) xin quy y Phật.

Câu 20: Hãy kể tên ‘Thập thiện nghiệp’?

- a. Không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời hung ác, không tham muốn, không giận hờn và không si mê.
- b. Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dục, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời hung ác, không tham muốn, không giận hờn và không si mê.
- c. Không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không vọng ngữ, không uống rượu, không mang vòng hoa thơm, không ca múa hát xướng, không ngồi nằm giường cao rộng, không ăn phi thời, không giữ vàng bạc.

d. Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dục, không vọng ngữ, không uống rượu, không mang vòng hoa thơm, không ca múa hát xướng, không ngồi nằm giường cao rộng, không ăn phi thời, không giữ vàng bạc.

III. LUẬT

- 02 bộ luật gồm *Tỳ ni nhật dụng thiết yếu* và *Oai nghi*.
- *Bài Ngũ giới* trong Phật học phổ thông (HT. Thiện Hoa).

IV. HIẾN CHƯƠNG GIÁO HỘI - NỘI QUY BAN TĂNG SỰ TRUNG ƯƠNG

Câu 01: Trung ương GHPGVN có mấy văn phòng, ở đâu?

- a. 01 văn phòng: Chùa Quán Sứ - Thành phố Hà Nội.
- b. 02 văn phòng: Chùa Quán Sứ - Thành phố Hà Nội và Thiền viện Quảng Đức – Thành phố Hồ Chí Minh.
- c. 03 văn phòng: Chùa Quán Sứ - Thành phố Hà Nội, Chùa Từ Đàm – Thành phố Huế và Thiền viện Quảng Đức – Thành phố Hồ Chí Minh.
- d. Đáp án a, b và c sai.

Câu 02: Nội dung của điều 43, chương IX, Quy chế Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN nhiệm kỳ IX (2022-2027) qui định những điều gì?

- a. Qui định về thủ tục đăng ký Đại giới đàn.
- b. Qui định về những tiêu chuẩn thọ giới Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.
- c. Qui định về tiêu chuẩn giới tử được tuyển chọn thọ giới Sa di, Sa di Ni.
- d. Qui định về những cấp chứng điệp thọ giới.

Câu 03: Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập vào ngày, tháng, năm nào, tại đâu?

- a. 11/07/1980, tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- b. 11/07/1981, tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- c. 07/11/1980, tại Thành phố Hà Nội.
- d. 07/11/1981, tại Thành phố Hà Nội.

Câu 04: Cơ quan lãnh đạo cao nhất của GHPGVN giữa hai kỳ Đại hội là:

- a. Ban Tăng sự Trung ương.
- b. Hội đồng Chứng minh.
- c. Hội đồng Trị sự.
- d. Ban Trị sự Tỉnh, Thành hội.

Câu 05: Phương châm hoạt động của GHPGVN là:

- a. Từ bi – Trí tuệ – Giải thoát.
- b. Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội.
- c. Phước – Tuệ song tu.
- d. Hoằng pháp – Lợi sinh – Hòa hợp.